

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**

Thực hiện Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 123 Luật doanh nghiệp (Luật số 60/2005/QH 11) và Điều 8, Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của bộ Tài chính; Điều 36 của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại Vinacomin, Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về kết quả hoạt động của BKS Công ty năm 2014 trước ĐHCĐ thường niên năm 2015 như sau:

1. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát năm 2014:

Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014 Công ty cổ phần du lịch và thương mại - Vinacomin, ngày 24/4/2014 thống nhất mức trả phụ cấp cho các thành viên HĐQT, BKS và Thư ký Công ty không quá 20% tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách tương ứng trong Công ty, theo mức lương cơ bản quy định tại Nghị định 51/2013/NĐ – CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ.

Công ty đã thực hiện chi trả phụ cấp cho các thành viên Ban kiểm soát Công ty năm 2014 như bảng kê sau:

Thành viên BKS	Chức danh	Số tiền (Đồng)
Hoàng Văn Kiệt	Trưởng ban	55.200.000
Bùi Thanh Trường	Ủy viên BKS	55.200.000
Vương Ngọc Quảng	Ủy viên KKS	55.200.000
Cộng		165.600.000

Ngoài ra mọi chi phí họp, điện thoại làm việc, đi lại của Ban kiểm soát đã được Công ty thực hiện chi theo định mức và chi phí thực tế (nếu có phát sinh).

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;

Năm 2014 Ban kiểm soát đã lập kế hoạch làm việc và phân công nội dung công việc cho từng ủy viên BKS, thực hiện các cuộc họp về nội dung chương trình kế hoạch làm việc của Ban từng quý trong năm và nội dung đề cử đơn vị Kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014.

Năm 2014 Ban thực hiện kiểm soát thường xuyên các chỉ đạo, hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp của HĐQT, thông qua các Nghị quyết của HĐQT trên cơ sở Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014; Kiểm tra thực hiện và kết quả công tác điều hành của Ban điều hành Công ty trên cơ sở thực hiện các Nghị quyết của HĐQT Công ty;

Ban đã tham dự họp các cuộc họp của HĐQT, dự họp sơ kết, tổng kết năm và các chuyên đề khi có điều kiện;

Định kỳ hàng quý theo kế hoạch kiểm tra kết quả hoạt động của HĐQT và Ban lãnh đạo điều hành trên cơ sở các chỉ tiêu thực hiện hàng quý Công ty đã thực hiện, với kết quả từng lần làm việc Ban kiểm soát đã tới từng thành viên của HĐQT và Công ty.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;

3.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty năm 2014, đồng thời so sánh với cùng kỳ năm 2013 dưới đây:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2013	KH ĐHĐCĐ	Thực hiện 2014	% so KH	% so CK
1	Doanh thu kinh doanh	Tr. đồng	883 319	800 000	928 585	116.07	105.12
a	Du lịch	Tr. đồng	82 385	81 410	118 104	145.07	143.36
b	Thương mại	Tr. đồng	791 627	709 336	800 334	112.83	101.10
c	Đào tạo	Tr. đồng			717		
d	Phục vụ Tập đoàn	Tr. đồng	9 307	9 254	9 430	101.90	101.32
2	Giá vốn hàng bán ra	Tr. đồng	777 816	730 500	800 720	109.61	102.94
3	Giá trị sản xuất	Tr. đồng	105 503	69 500	127 865	183.98	121.20
5	Lợi nhuận	Tr. đồng	10 050	6 600	10 105	153.10	100.54
6	Bình quân thu nhập Trđ/người/tháng	Tr. đồng	7 890	6 998	8 641	123.47	109.51
7	Chi trả cổ tức	%	12	12	12	100.00	100.00
8	Đầu tư XDCB	Tr. đồng	1 911	800	396	49.50	20.72

Các chỉ tiêu về doanh thu, giá trị sản xuất, lợi nhuận, tỷ lệ chi trả cổ tức, thu nhập của người lao động đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 Công ty giao HĐQT, Giám đốc Công ty đều thực hiện đạt $\geq 100\%$;

Nhưng chỉ tiêu Đầu tư XDCB năm 2014 Công ty thực hiện 396 triệu đồng, bằng 49,50% kế hoạch; thực hiện đầu tư máy giặt công nghiệp phục vụ kinh doanh – Chi nhánh Vân long với giá trị 396 triệu đồng.

Nguyên nhân: năm 2014 có 02 hạng mục chưa thật sự cần thiết, không trực tiếp cho SXKD nên Công ty chưa triển khai thực hiện là biển quảng cáo khách sạn Vân long: 100 triệu và trang thiết bị cho văn phòng công ty: 300 triệu.

Công ty đã thực hiện hoàn thành tiến độ tái cơ cấu Công ty, giảm tỷ lệ nắm giữ vốn Tập đoàn tại Công ty xuống còn 36%; đồng thời đã thống nhất không triển khai chủ trương chuyển nhượng khách sạn Vân long theo văn bản số 1283/TKV-TCCB ngày 10/3/2014 của Tập đoàn TKV, mà thống nhất với Tập đoàn TKV sang phương án khác phù hợp.

3.2 Kết quả hoạt động về Tài chính Công ty:

Căn cứ báo cáo quyết toán tài chính năm 2014 của Công ty CP Du lịch và Thương mại – Vinacomin đã được kiểm toán tại báo cáo kiểm toán ngày 19/03/2015 của Công ty TNHH kiểm toán BDO.

Năm 2014 HĐQT chỉ đạo và kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các nguồn vốn trong hoạt động đầu tư cũng như kinh doanh của Công ty thông qua kế hoạch, Nghị quyết của HĐQT. Đối với những hợp đồng kinh doanh hoặc các khoản vay vốn vượt quá 50% tổng giá trị tài sản của Công ty, Công ty đều thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật nhà nước và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty trước khi thông qua Nghị quyết triển khai thực hiện, tại thời điểm 31/12/2014; qua số liệu kết quả tài chính Ban kiểm soát nêu rõ thêm để các Cổ đông biết rõ:

Hàng tồn kho: Đầu năm tồn 71.832 triệu đồng, cuối năm 2014 còn tồn: 113.725 triệu đồng, tăng 41.893 triệu đồng, trong đó chủ yếu tồn kho lớp 102 tỷ phục vụ các Công ty than theo kế hoạch và xút 7 tỷ đồng phục vụ dự án Nhôm Lâm Đồng. Tuy nhiên không có hàng kém chất lượng, tồn kho lâu ngày.

Chi phí trả trước dài hạn: cuối năm dư 24.515 triệu đồng, tăng 724 triệu đồng so với đầu năm, do Công ty thực hiện chi phí sửa chữa TSCĐ 1.782 triệu đồng, mua sắm bổ sung một số công cụ, dụng cụ phục vụ SXKD giá trị 3.184 triệu đồng, nhằm cải tạo nâng cấp chất lượng dịch vụ buồng phòng tại khách sạn Vân Long và Biển Đông, Công ty thực hiện phân bổ chi phí trên với thời gian 24 tháng.

Chi phí dự phòng phải trả ngắn hạn chưa sử dụng tại ngày 31/12/2014 với giá trị: 16.813 triệu đồng, tăng so với đầu năm 1.723 triệu đồng, số tiền dự phòng chi phí bảo hành thiết bị, vật tư đã tiêu thụ trong năm và những năm trước của Công ty.

Như vậy Công ty kiểm soát tốt tình hình tài chính, kết quả tài chính lành mạnh, nguồn vốn được đảm bảo phục vụ kinh doanh và đầu tư; bảo toàn và phát triển vốn của các Cổ đông giao cho, Kết quả hoạt động tài chính như bảng số liệu sau:

* Bảng số liệu tài chính đến 31/12/2014:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	289 328 307 464	347 418 689 195
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	66 703 419 245	58 090 937 735
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	145 578 717 548	171 461 465 095
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		1 531 245 534	429 045 534
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	71 832 150 635	113 725 691 754
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	5 214 020 036	4 140 594 611
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	34 973 435 485	33 941 655 397
1. Tài sản cố định	220-BCĐKT	10 927 338 063	9 176 308 754
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	10 755 896 422	9 079 997 665
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	171 441 641	96 311 089
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230-BCĐKT		
2. Bất động sản đầu tư	240-BCĐKT		
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT		
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con	251-BCĐKT		
- Dự phòng giảm giá ĐTTC dài hạn	259-BCĐKT		
4. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	24 046 097 422	24 765 346 643
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	284 264 165 530	339 476 225 325

1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	273 885 448 117	331 291 057 592
Trong đó: Nợ quá hạn			
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	10 378 717 413	8 185 167 733
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	40 037 577 419	41 884 119 267
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	39 753 133 447	41 647 082 624
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT	19 497 970 000	25 000 560 000
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	284 443 972	237 036 643
V. Kết quả kinh doanh		Năm 2013	Năm 2014
1. Tổng doanh thu		901 888 603 782	950 805 404 730
- Doanh thu thuần về BH &CC dịch vụ	10-BCKQKD	883 319 743 282	928 585 857 576
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	1 026 671 214	2 061 802 373
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	17 542 189 286	20 157 744 781
2. Tổng chi phí		891 837 890 954	940 699 707 243
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD	10 050 712 828	10 105 697 487
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD	6 928 028 082	7 857 660 381
II. Chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách	Đồng	92 137 844 290	100 084 447 676
Trong đó: các loại thuế	Đồng	91 286 422 637	100 081 015 087
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn CSH	%	25.10%	24.13%
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	7.15	8.15
4. Tổng Quỹ lương	Đồng	27 738 000 000	30 074 000 000
5. Số lao động bình quân	Người	293	290
6. Tiền lương bình quân người/năm	Đồng	94 668 942	103 703 448
7. Tiền lương bình quân người/tháng	Đồng	7 889 078	8 641 954

* Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động về tài chính của Công ty so với cùng kỳ năm trước và so với kế hoạch ĐHCĐ:

TT	Chỉ tiêu	KH Đại hội	TH Năm trước	TH Năm nay	So sánh %	
					KH Đại hội	Cùng kỳ năm trước
1	Lợi nhuận trước thuế thực hiện (Trđ)	6.600	10.050	10.105	153,10	100,50
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế thực hiện/ vốn CSH (%)		25,10	24,13		96,14
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện/ vốn CSH (%)		17,44	18,86		108,14
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế thực hiện/ Tổng T.Sản (%)		2,14	2,06		96,26
5	Nợ phải trả/ Vốn CSH (Lần)		7,15	8,10		113,98
6	Khả năng thanh toán đến hạn (lần)		1,05	1,04		99,04
7	Hệ số bảo toàn và phát triển vốn (Lần)		1,04	1,05		100,96

Công ty đã thực hiện tốt nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước, thu nhập của người lao động được đảm bảo so với năm trước, phương án phân phối lợi nhuận, cổ tức đảm bảo đúng với tinh thần Đại hội đồng cổ đông.

Tồn tại trong quản lý Công nợ phải thu: mặc dù trích lập dự phòng nợ phải thu giảm 1.102 triệu đồng do trong năm Công ty đã hoàn nhập dự phòng khoản nợ quá hạn của Công ty CROMIT Cổ định đã trích lập đến thời điểm cuối năm trước do đã thu hồi được hết số công nợ quá hạn.

Số trích lập dự phòng phải thu còn lại đến thời điểm cuối năm là 429 triệu đồng là khoản trích lập đủ 100% công nợ của Công ty CP Bình Nguyên là 387 triệu đồng và Doanh nghiệp tư nhân Lĩnh Đức là 42 triệu đồng.

4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;

Ban kiểm soát thường xuyên thực hiện vai trò giám sát đối với hoạt động của HĐQT, Giám đốc Công ty, ban lãnh đạo điều hành Công ty và các chức danh quản lý khác trong Công ty thông qua các Quy chế quản lý nội bộ, các báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết hoạt động kinh doanh - đầu tư - quản lý tiền lương, lao động - quản trị chi phí - quyết toán tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm, các nghị quyết, quyết định sắp xếp tổ chức - nhân sự...; thông qua các tài liệu của HĐQT, Ban điều hành Công ty, tài liệu kiểm tra quyết toán thuế, kiểm toán báo cáo tài chính của tổ chức kiểm toán độc lập hàng năm; Qua quá trình giám sát đánh giá nhận xét cụ thể:

- Nhận thấy năm 2014 HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo quyết liệt trong điều hành, kịp thời đưa ra nhiều giải pháp phù hợp với thực tế Công ty ngay từ đầu năm; với sự nỗ lực của mọi người lao động trong Công ty. Do đó kết thúc năm, mọi chỉ tiêu trong kế hoạch tại ĐHCĐ thường niên của năm 2014 đều được hoàn thành trên 100%, tỷ lệ chi trả cổ tức, thu nhập của người lao động được đảm bảo.

- Giám đốc và tập thể lãnh Công ty thực hiện nghiêm túc, đầy đủ quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, với tinh thần trách nhiệm cao, lắng nghe, đi sâu đi sát trong công tác quản lý và đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, mang lại hiệu quả rõ rệt trong quá trình chỉ đạo điều hành chung. Luôn quan tâm, chăm lo đến đời sống, tâm tư nguyện vọng của người lao động.

5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cổ đông:

Trong năm 2014, mọi hoạt động của HĐQT, Giám đốc công ty, Ban Kiểm soát về cơ bản đã năm được sự điều hành thông qua các quyết định, nghị quyết của HĐQT, giám đốc Công ty như đã nêu trên.

Về quy trình làm việc: HĐQT luôn thực hiện nguyên tắc “Theo chế độ tập thể”. Các vấn đề thuộc trách nhiệm quản lý, chỉ đạo hoặc giám sát của HĐQT đều được từng thành viên chủ động nghiên cứu, thảo luận để đi đến thống nhất và quyết định thực hiện.

Sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với HĐQT, giám đốc điều hành còn thông qua: mọi văn bản từ tờ trình, báo cáo, quyết định của giám đốc cũng như của HĐQT Công ty đều được gửi tới các thành viên của Ban kiểm soát Công ty; mọi cuộc họp của HĐQT và Ban giám đốc về điều hành hàng quý hoặc theo chuyên đề, Ban kiểm soát đều được mời tham dự hoặc được nhận kết quả qua báo cáo; từ những mối quan hệ trong quá trình làm việc, dự các cuộc họp và thông qua các báo cáo Nghị quyết HĐQT,

của giám đốc Công ty đã tạo điều kiện cho các thành viên Ban kiểm soát nắm bắt kịp thời tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ Công ty năm 2014.

Từ kết quả sự phối hợp trên trong năm, Ban kiểm soát đã có điều kiện thực hiện kiểm tra, nắm bắt thường xuyên: hoạt động quản lý của HĐQT và Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; thẩm định báo cáo tài chính năm 2014, tình hình tài chính của Công ty qua công tác quản lý, các chỉ tiêu về tài chính, công nợ; tình hình thực hiện kế hoạch; tính tuân thủ pháp luật trong hoạt động quản lý của Công ty một cách kịp thời.

6. Những tồn tại cần được quan tâm giải quyết:

HĐQT chỉ đạo Công ty giải quyết dứt điểm khoản công nợ phải thu khó đòi quá hạn thanh toán, như Ban kiểm soát đã kiến nghị tại các kỳ kiểm tra hàng quý trong năm 2013, 2014 số tiền còn lại: 429 triệu đồng, mặc dù Công ty đã trích lập dự phòng phải thu còn lại đến thời điểm cuối năm là 429 triệu đồng là khoản trích lập đủ 100% công nợ của Công ty CP Bình Nguyên là 387 triệu đồng và Doanh nghiệp tư nhân Lĩnh Đức là 42 triệu đồng.

Trên đây là những nội dung chủ yếu Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động quản lý điều hành của HĐQT, giám đốc và kết quả kinh doanh trong năm 2014;

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Du lịch và thương mại – Vinacomin báo cáo, kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (để bc)
- Các thành viên HĐQT.
- Công ty CP Du lịch & TM.
- Các thành viên BKS
- Lưu thư ký HĐQT.

